



**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần vận tải hóa dầu VP;
2. Mã chứng khoán: VPA;
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng;
4. Điện thoại: 0225.3730011; Fax: 0225.3730012;
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Minh Thao - Giám đốc Công ty và là Người Đại diện theo pháp luật;
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP vận tải hóa dầu VP đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc Tế (IFC) bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC;
 - 6.2. Giải trình nội dung Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Công văn số 0918/VP-CV-GĐ ngày 02/03/2018.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: www.vptrans.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vt

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đặng Minh Thao



Số: 0918/VP-CV-GĐ

V/v: Giải trình chênh lệch LNST năm 2017 so với cùng kỳ năm trước

Hải phòng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.*

Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (mã chứng khoán VPA) xin gửi đến Quý cơ quan lời chào trân trọng và hợp tác.

Công ty CP vận tải hóa dầu VP xin giải trình nội dung chênh lệch LNST năm 2017 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Trong Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP vận tải hóa dầu VP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể hiện:

- | | | |
|--|---|------------------------|
| - LNST năm 2017 | : | (7.896.874.930) đồng; |
| - LNST năm 2016 | : | 20.946.420.345 đồng; |
| - Chênh lệch LNST năm 2017 so với năm 2016 | : | (28.843.295.275) đồng. |

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm 28.843.295.275 đồng so với năm 2016 là do: Năm 2017 thị trường vận tải nhựa đường thấp, số chuyến hàng vận chuyển ít, giá cước vận tải giảm dẫn đến doanh thu dịch vụ vận tải năm 2017 giảm 31.947.203.657 đ so với năm 2016. Trong khi đó, Giá vốn hàng bán năm 2017 lại tăng 3.723.237.875 đ do giá nhiên liệu tăng và Công ty thực hiện sửa chữa trên đà định kỳ 5 năm lần thứ nhất đối với cả hai tàu VP ASPHALT 1 & VP ASPHALT 2. Tuy nhiên, năm 2017, chi phí tài chính của Công ty giảm hơn 8 tỷ đồng so với năm 2016 do không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá.

Trên đây là lý do chênh lệch trên 10% LNST năm 2017 so với năm 2016 của Công ty cổ phần vận tải hóa dầu VP.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dặng Minh Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Tháng 2 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó chủ tịch
Ông Ngô Đức Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Đặng Minh Thao	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Minh Thao	Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
--------------------	------------------------------------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hào	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 022601/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc/[Ban Tổng Giám đốc]/Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải hóa dầu VP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 16 tháng 01 năm 2017.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.539.976.505	12.560.862.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		123.167.798	3.362.994.069
1. Tiền	111	V.1	123.167.798	3.362.994.069
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		828.257.889	484.546.096
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		614.411.344	111.389.342
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2	213.846.545	373.156.754
III. Hàng tồn kho	140	V.4	7.509.396.813	6.789.673.917
1. Hàng tồn kho	141		7.509.396.813	6.789.673.917
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.079.154.005	1.923.648.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.3a	500.059.196	164.945.496
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.573.895.457	1.758.702.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	5.199.352	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445.345.192.538	465.667.995.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81.730.578	81.730.578
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.2	81.730.578	81.730.578
II. Tài sản cố định	220		439.031.762.297	465.254.948.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	439.031.762.297	465.254.948.456
- Nguyên giá	222		562.316.426.789	562.316.426.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.284.664.492)	(97.061.478.333)
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.231.699.663	331.315.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3b	6.231.699.663	331.315.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.885.169.043	478.228.857.490

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		314.444.790.288	324.999.207.805
I. Nợ ngắn hạn	310		30.286.984.388	9.678.003.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	10.458.226.562	7.442.395.841
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	7.000.000	30.200.000
3. Phải trả người lao động	314		303.706.448	529.915.867
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.8	1.340.636.817	1.144.762.371
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	124.033.155	526.948.450
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	17.964.600.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88.781.406	3.781.406
II. Nợ dài hạn	330		284.157.805.900	315.321.203.870
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	284.157.805.900	315.321.203.870
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.440.378.755	153.229.649.685
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	144.440.378.755	153.229.649.685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.761.770.000	150.761.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		905.029.707	905.029.707
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.226.420.952)	1.562.849.978
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		670.453.978	1.562.849.978
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.896.874.930)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.885.169.043	478.228.857.490



Trần Thị Nga
 Người lập biểu
 Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng




 Đặng Minh Thao
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		108.048.850.845	139.996.054.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	108.048.850.845	139.996.054.502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.051.025.991	95.327.788.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.997.824.854	44.668.266.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	897.291.433	3.112.712.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.189.269.424	22.570.950.399
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.112.645.217	15.551.471.428
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.172.865.924	4.600.633.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.467.019.061)	20.609.395.131
11. Thu nhập khác	31	VI.6	570.144.131	337.025.214
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		570.144.131	337.025.214
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.896.874.930)	20.946.420.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.896.874.930)	20.946.420.345
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(524)	1.383
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(524)	1.383



Trần Thị Nga
 Người lập biểu
 Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng




 Đặng Minh Thao
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(7.896.874.930)	20.946.420.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.223.186.159	26.460.891.797
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(659.389.778)	3.693.586.934
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(34.339.819)
Chi phí lãi vay	06	14.112.645.217	15.551.471.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.779.566.668	66.618.030.685
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(3.158.904.338)	8.032.079.442
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(719.722.896)	500.558.487
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	2.561.380.453	(14.862.874.447)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(6.235.497.397)	965.184.371
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.114.645.217)	(15.441.471.428)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.199.352)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	147.862.208	337.025.214
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(999.440.634)	(511.689.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.255.399.495	45.636.842.342
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(18.477.109.232)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	34.339.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(18.442.769.413)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.069.254.152	21.652.483.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.563.804.152)	(46.688.279.411)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(810.000)	(675.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.495.360.000)	(25.036.471.076)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.239.960.505)	2.157.601.853
Tiền đầu năm	60	3.362.994.069	1.205.554.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	134.234	(162.099)
Tiền cuối năm	70	123.167.798	3.362.994.069



Trần Thị Nga
 Người lập biểu
 Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004237 ngày 23 tháng 04 năm 2008 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0200809454 (thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 01 năm 2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty có tổng số vốn điều lệ là 150.761.770.000 đồng và trụ sở chính tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian dưới 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 22

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm và chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	12.796.100	141.491.374
Tiền gửi ngân hàng	110.371.698	3.221.502.695
Cộng	123.167.798	3.362.994.069

2. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng	122.995.919	185.241.919
- Các khoản phải thu khác	90.850.626	187.914.835
Cộng	213.846.545	373.156.754
b. Dài hạn		
- Ký cược dài hạn tiền thuê văn phòng	69.730.578	69.730.578
- Ký cược dài hạn khác	12.000.000	12.000.000
Cộng	81.730.578	81.730.578

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	-	2.359.090
Chi phí bảo hiểm	500.059.196	162.586.406
Cộng	500.059.196	164.945.496
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	238.245.684	25.443.183
Vật tư và chi phí sửa chữa lớn tàu ASPHALT	5.993.453.979	305.872.783
Cộng	6.231.699.663	331.315.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.475.135.413	-	6.684.181.716	-
Công cụ, dụng cụ	31.715.000	-	41.940.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.546.400	-	63.552.201	-
Cộng	7.509.396.813	-	6.789.673.917	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Tại ngày 31/12/2017	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	383.344.810	96.678.133.523	97.061.478.333
Khấu hao trong năm	285.947.356	25.937.238.803	26.223.186.159
Tại ngày 31/12/2017	669.292.166	122.615.372.326	123.284.664.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	510.921.043	464.744.027.413	465.254.948.456
Tại ngày 31/12/2017	224.973.687	438.806.788.610	439.031.762.297

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 438.806.788.610 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 464.676.664.755 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.075.733.246 đồng (ngày 01 tháng 01 năm 2017: 36.423.775 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
COCKETT MARINE OIL (ASIA)	3.969.494.173	3.969.494.173	1.278.959.759	1.278.959.759
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	3.208.866.692	3.208.866.692	3.154.738.217	3.154.738.217
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000	648.000.000	648.000.000
Các khoản phải trả khác	1.983.865.697	1.983.865.697	2.360.697.865	2.360.697.865
Cộng	10.458.226.562	10.458.226.562	7.442.395.841	7.442.395.841
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	5.801.688.574	5.801.688.574	5.280.299.357	5.280.299.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.199.352	-	5.199.352	-
Cộng	5.199.352	-	5.199.352	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	11.646.210	11.646.210	-
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	-	1.451.757	1.451.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.000.000	105.076.549	128.276.549	30.200.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	7.000.000	121.174.516	144.374.516	30.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí cảng	629.171.440	390.000.000
Chi phí lãi vay	188.000.000	190.000.000
Chi phí bảo hiểm	58.934.103	338.763.843
Chi phí nhiên liệu	415.644.944	199.543.972
Chi phí phải trả khác	48.886.330	26.454.556
Cộng	1.340.636.817	1.144.762.371

9. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.403.155	28.127.122
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	96.630.000	97.440.000
Nhiên liệu tồn khi bàn giao tàu	-	401.381.328
Cộng	124.033.155	526.948.450

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	6.069.254.152	6.069.254.152	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.11)	17.964.600.000	17.964.600.000	-	-	-	-
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Inovina - Chi nhánh Đồng Đa	17.964.600.000	17.964.600.000				
Tổng	17.964.600.000	17.964.600.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	302.122.405.900	302.122.405.900	-	13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Đông tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Inovina - Chi nhánh Đồng Đa	302.122.405.900	302.122.405.900		13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Cộng	302.122.405.900	302.122.405.900	-	13.198.797.970	315.321.203.870	315.321.203.870
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.10)	17.964.600.000	17.964.600.000				
Cộng các khoản vay dài hạn	284.157.805.900	284.157.805.900			315.321.203.870	315.321.203.870

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 06/2010/VP/HETDDH ngày 09/09/2010 với tổng hạn mức cho vay là 19.646.604 USD (trong đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Inovina là 11.140.000 USD). Thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn vay đầu tiên, với lãi suất cho vay theo lãi suất thông báo của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty, đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Thời gian ân hạn là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thành toán số dư nợ gốc của các khoản vay là 03 (ba) tháng đầu tiên, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.964.600.000	-
Trong năm thứ hai	36.611.400.000	35.324.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	118.475.400.000	112.126.800.000
Sau năm năm	129.071.005.900	167.869.903.187
Cộng	302.122.405.900	315.321.203.187
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	17.964.600.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	284.157.805.900	315.321.203.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	150.761.770.000	905.029.707	(18.761.207.167)	132.905.592.540
Lợi nhuận tăng trong năm		20.946.420.345	20.946.420.345	20.946.420.345
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			(622.363.200)	(622.363.200)
Số dư tại ngày 31/12/2016	150.761.770.000	905.029.707	1.562.849.978	153.229.649.685
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	(7.896.874.930)	(7.896.874.930)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(792.396.000)	(792.396.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	150.761.770.000	905.029.707	(7.226.420.952)	144.440.378.755

(*) Việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ được thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 21 tháng 04 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	68.000.000.000	68.000.000.000
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	66.000.000.000	66.000.000.000
Các cổ đông khác	16.761.770.000	16.761.770.000
Cộng	150.761.770.000	150.761.770.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty không có đơn vị trực thuộc tại các địa phương khác, do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ hoạt động, Công ty chỉ cung cấp dịch vụ vận tải biển. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.048.850.845	139.996.054.502

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.051.025.991	95.327.788.116
Cộng	99.051.025.991	95.327.788.116

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.980.110	34.339.819
Lãi chênh lệch tỷ giá	895.311.323	3.052.101.811
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	26.270.887
Cộng	897.291.433	3.112.712.517

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	14.112.645.217	15.551.471.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá	76.624.207	7.019.478.971
Cộng	14.189.269.424	22.570.950.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.219.905.456	2.596.013.518
Chi phí công cụ, dụng cụ	85.260.471	36.512.726
Khấu hao tài sản cố định	67.362.658	173.218.244
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dịch vụ mua ngoài	976.592.749	1.124.830.121
Chi phí bằng tiền khác	820.744.590	667.058.764
Cộng	4.172.865.924	4.600.633.373

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hoàn phí bảo hiểm	116.462.098	337.025.214
Các khoản thu nhập khác	453.682.033	-
Cộng	570.144.131	337.025.214

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.896.874.930)	20.946.420.345
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	100.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.896.874.930)	20.846.420.345
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.076.177	15.076.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(524)	1.383

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.492.741.453	27.092.215.943
Chi phí nhân công	14.189.301.267	13.697.296.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.223.186.159	26.460.891.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.042.580.615	22.883.403.847
Chi phí khác bằng tiền	7.276.082.421	9.794.613.807
Cộng	103.223.891.915	99.928.421.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Ông Nguyễn Văn Khánh
Ông Nguyễn Đình Thanh
Ông Ngô Đức Giang
Ông Nguyễn Quang Minh
Ông Đặng Minh Thao
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Chủ sở hữu
Chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Công ty liên quan
Công ty liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng	18.963.150.000	2.928.774.000
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	18.963.150.000	2.928.774.000
Mua hàng	26.599.622.350	18.172.182.311
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	738.589.379	827.714.844
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000
Công ty TNHH VIPCO Hạ long	18.236.253.676	11.357.775.687
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	3.611.232.064	4.304.438.660
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO	386.253.120	386.253.120
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	1.302.040.630	-
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long - Hải Phòng	1.029.253.481	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công nợ phải trả	5.801.688.574	5.280.299.357
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	3.208.866.692	3.154.738.217
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	648.000.000
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	902.808.016	902.808.016
Tổng Công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP (PLC)	26.151.400	478.189.844
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	139.281.450	-
Công ty TNHH Bất động sản VIPCO	96.563.280	96.563.280
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long - Hải Phòng	132.017.736	-

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương và thưởng của Ban giám đốc		
- Ông Đặng Minh Thao	592.426.957	575.283.344
Thù lao Hội đồng quản trị		
- Ông Nguyễn Văn Khánh	145.944.000	146.764.800
- Ông Nguyễn Đình Thanh	121.620.000	122.304.000
- Ông Ngô Đức Giang	97.296.000	97.843.200
- Ông Nguyễn Quang Minh	97.296.000	97.843.200
Cộng	1.054.582.957	1.040.038.544

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Trần Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018